

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HỒNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày: 29-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Sinh - Cán bộ hưu trí.

2. Ông Phan Văn Tiếp.

Nơi công tác: Ban Tổ chức Huyện uỷ huyện Tân Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Hiền Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Văn G**, sinh năm 1993; Tại: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Long T, xã Long T, huyện H, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hoà Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn U, sinh năm 1959 (sống) và bà Trần Thị K, sinh năm 1962 (sống); Có vợ là Nguyễn Thị Thuý L, sinh năm 1992; Anh chị em ruột: 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Tạm giữ: Ngày 20/9/2020.

Tạm giam: Ngày 29/9/2020.

*(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

**- Bị hại:** Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Thị K, sinh năm 1962 ( mẹ của bị cáo) (Có mặt)

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Quốc V, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ.

2. Trần Thị Kim P, sinh năm 1985 (Có mặt).

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 20-9-2020 bị cáo Trần Văn G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K1 – 9718 (do Hồ Thanh T đứng tên giấy đăng ký) chạy từ huyện H đến xã A, huyện T để phụ hồ, đến khoảng 12 giờ cùng ngày sau khi làm xong thì bị cáo G điều khiển xe chạy đến khu đất trống thuộc ấp T, xã T, huyện T, lúc này G nhìn thấy Kobe nhãn hiệu SK70 của ông Nguyễn Văn N đang đậu không có người trông coi nên G nảy sinh ý định trộm 02 bình ắc quy trong Kobe, sau đó G dựng xe mô tô cách Kobe khoảng 100m và mở cốp xe lấy 01 chìa khoá (clê) số 17 đi bộ đến Kobe leo lên mở nắp sắt đậy bình và nhìn thấy 02 bình ắc quy nên G dùng chìa khoá (clê) số 17 xeo (nạy) 04 cọc bình ắc quy ra khỏi 02 cái bình và dùng hai tay khuâng (khiêng) 01 cái bình lên nhưng chưa ra khỏi thùng đựng bình ắc quy, lúc này anh Huỳnh Quốc Việt (con rể của ông Nguyễn) phát hiện bắt giữ G và trình báo Công an xã T, huyện T đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục 01 – 02).

#### **\* Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:**

- 01 (một) chiếc xe mô tô (kiểu dáng Wave), biển kiểm soát: 66K1 – 9718, số máy: FMH-02233757, số khung: 200133757 (do Hồ Thanh T đứng tên giấy đăng ký).

- 03 (ba) chìa khoá (clê) gồm: 01 chiếc số 13, 01 chiếc số 17 trên thân có chữ YETI và 01 chiếc số 18 không rõ chữ.

- 01 (một) cái bao (loại bao đựng lúa), màu vàng.

- 02 (hai) bình ắc quy 12V-100AH nhãn hiệu Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng.

\* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 61/KL-HĐĐG ngày 29-9-2020 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Hồng kết luận: 02 (hai) bình ắc quy 12V-100AH nhãn hiệu Đồng Nai, giá trị sử dụng còn lại là 80%, trị giá là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng) (Bút lục số 09).

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKSTH ngày 27-11-2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Trần Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Văn G thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Bị hại Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt; có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Văn G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại không yêu cầu bồi thường và xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có ông nội tên Trần Văn Ky là liệt sĩ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, khoản 1 Điều 54, khoản 1, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 03 tháng tù đến 05 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại Nguyễn Văn N đã nhận lại 02 (hai) bình ắc quy 12V-100AH nhãn hiệu Đồng Nai nên không yêu cầu gì.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Đối với xe mô tô (kiểu dáng Wave), biển kiểm soát: 66K1 – 9718, số máy: FMH-02233757, số khung: 200133757 của bị cáo Trần Văn G mua của anh Hồ Thanh T nhưng chưa làm thủ tục sang tên, do đó, chiếc xe này thuộc sở hữu của bị cáo G, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc chìa khoá (clê) số 13 và 01 chiếc chìa khoá (clê) số 18 (không rõ chữ) để trong cốp xe của bị cáo G không phải là công cụ dùng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo G.

Riêng 01 chiếc chìa khoá (clê) số 17 trên thân có chữ YETI và 01 cái bao (loại bao đựng lúa), màu vàng đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Tại phiên tòa lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với lời thừa nhận của bị cáo và phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra.

Tại phần tranh luận bị cáo Trần Văn G không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Văn G xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn N vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Người làm chứng Huỳnh Quốc V vắng mặt nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố Tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn và anh Việt.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa lời khai của bị cáo Trần Văn G phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn G lợi dụng bị hại để Kobe không có người trông coi nên bị cáo lén lút trộm cắp 02 bình ắc quy 12V-100AH nhãn hiệu Đồng Nai, giá trị sử dụng còn lại là 80%, giá trị tài sản là 3.200.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây lo lắng trong cộng đồng dân cư và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo G đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự mà Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”;*

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo G có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại không yêu cầu bồi thường và xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo: có ông nội tên Trần Văn K là liệt sĩ. Nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đồng thời, khi bị cáo G đang thực hiện hành vi trộm thì bị anh Việt (là con rể của bị hại) phát hiện nên phạm tội chưa đạt, do đó áp dụng Điều 15 và khoản 1, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và tạo cơ hội cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm thuê, không có việc làm ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, cụ thể:

Đối với xe mô tô (kiểu dáng Wave), biển kiểm soát: 66K1 – 9718, số máy: FMH-02233757, số khung: 200133757 của bị cáo Trần Văn G mua của anh Hồ Thanh T nhưng chưa làm thủ tục sang tên, do đó chiếc xe này thuộc sở hữu của bị cáo G, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc chìa khoá (clê) số 13 và 01 chiếc chìa khoá (clê) số 18 (không rõ chữ) để trong cốp xe của bị cáo G không phải là công cụ dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo G.

Riêng 01 chiếc chìa khoá (clê) số 17 trên thân có chữ YETI (là công cụ dùng vào việc phạm tội) và 01 cái bao (loại bao đựng lúa), màu vàng (tài sản không có giá trị) nên tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 1 Điều 54, khoản 1, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày tù; Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20-9-2020 đến ngày 29-9-2020, bị tạm giam từ ngày 29-9-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29-12-2020; Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên toà.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước đối với xe mô tô (kiểu dáng Wave), biển kiểm soát: 66K1 – 9718, số máy: FMH-02233757, số khung: 200133757 của bị cáo Trần Văn G mua của anh Hồ Thanh T nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn G 01 (Một) chiếc chìa khoá (clê) số 13 và 01 (Một) chiếc chìa khoá (clê) số 18 (không rõ chữ).

Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) chiếc chìa khoá (clê) số 17 trên thân có chữ YETI và 01 cái bao (loại bao đựng lúa), màu vàng.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01-12-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-12-2020). Riêng bị hại không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thùy Dung**